

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: 44 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 01 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng
Khu công nghiệp phía Đông Dung Quất (điều chỉnh)**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số: 605
	Ngày: 22/01/2013
	Chuyên:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 19/2008/TT-BXD ngày 20/11/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 20/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025;

Xét đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất tại Công văn số 1214/BQL-QHXD ngày 02/11/2012 về việc xin thẩm định và phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp phía Đông Dung Quất (điều chỉnh), Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng số 33/SXD-KTQH&ĐT ngày 10/01/2013;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp phía Đông Dung Quất (điều chỉnh) với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:

Phạm vi, ranh giới lập Quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghiệp phía Đông Dung Quất (điều chỉnh) bao gồm vùng đất có diện tích 5784ha, thuộc các xã Bình Đông, Bình Trị và Bình Thuận, huyện Bình Sơn; được xác định như sau:

- Đông giáp: Biên Đông.
- Tây giáp: Sông Trà Bồng.
- Nam giáp: Đô thị mới Vạn Tường.
- Bắc giáp: Vịnh Dung Quất.

2. Tính chất:

Là khu công nghiệp tổng hợp, bao gồm nhiều khu chức năng như: sản xuất công nghiệp (*lọc hóa dầu và sau hóa dầu, hóa chất, đóng tàu, luyện cán thép, cơ khí, vật liệu xây dựng, kho tàng và một số loại hình công nghiệp khác*); khu cảng biển nước sâu gắn với dịch vụ hậu cần cảng; trung tâm dịch vụ công cộng và các khu dân cư.

3. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

TT	Danh mục	Đơn vị	Quy hoạch
I	Lao động	người	62.730
1	Khu công nghiệp nhẹ Bình Hòa – Bình Phước	người/ha	63
2	Cụm CN VLXD + hậu cần cảng	người/ha	19
3	Khu đóng tàu	người/ha	103
4	CN luyện cán thép, CN nặng	người/ha	13 - 16
5	Khu lọc hóa dầu- sau hoá dầu- hoá chất	người/ha	1 - 3
6	Công nghiệp cơ khí và CN khác	người/ha	39
7	Công cộng - dịch vụ	người/ha	54
II	Sử dụng đất		
	Tổng diện tích khu quy hoạch	ha	5.784
1	Tổng diện tích đất các khu tái định cư	ha	375
	Đất các khu tái định cư bình quân đầu người	m ² /người	169
2	Tổng diện tích đất công trình công cộng	ha	139
	Đất công cộng bình quân đầu người	m ² /người	22
3	Mật độ xây dựng trung bình		
3.1	Mật độ xây dựng khu ở	%	30-55
3.2	Mật độ xây dựng khu công nghiệp	%	30-70
3.3	Mật độ xây dựng các khu công cộng	%	25-40
3.4	Mật độ xây dựng các khu cây xanh	%	5
III	Cơ sở hạ tầng		
A	Hạ tầng xã hội		
1	Giáo dục		
1.1	Nhà trẻ mẫu giáo	Cháu/1000 dân	45-50
		m ² /cháu	25
1.2	Trường tiểu học	hs/1000dân	65
		m ² /học sinh	20
1.3	Trường trung học cơ sở	hs/1000dân	55
		m ² /học sinh	22

1.4	Trường phổ thông trung học	hs/1000dân	40
		m ² /học sinh	27
2	Trạm y tế	m ² /trạm	500
3	Công trình văn hóa	m ² /công trình	300
4	Nhà ở		
	Nhà chia lô	m ² đất/hộ	200 - 230
	Nhà chung cư	m ² sàn/người	35- 40
B	Hạ tầng kỹ thuật		
1	Mật độ đường chính	km/km ²	4,03
2	Tỉ lệ giao thông chính/tổng diện tích	%	8-10
3	Chỉ tiêu cấp điện	kw/ha	250-400
4	Chỉ tiêu cấp nước	m ³ /ha	20-45
5	Tỉ lệ nước thải được thu gom, xử lý	% nước cấp	≥80

4. Quy hoạch sử dụng đất:

TT	Danh mục	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Công nghiệp		2.448,56	42,29
1	Cụm CN VLXD + hậu cần cảng và dịch vụ	CN1	56,65	0,98
2	Khu đóng tàu	CN2	117,00	2,02
3	CN luyện cán thép	CN3	455,00	7,87
4	Khu Doosan	CN4	110,00	1,90
5	Công nghiệp cơ khí và công nghiệp khác	CN5	514,80	8,90
6	Khu hoá dầu - sau hoá dầu - hoá chất	CN6	213,91	3,70
7	Lọc dầu	CN7	528,90	9,14
8	Kho tàng	K	132,30	2,29
9	Khu công nghiệp nhẹ Bình Hòa - Bình Phước	CN8	320,00	5,53
II	Công cộng khu kinh tế	CC	139,20	2,41
III	Đất các khu dân cư tập trung		378,57	6,54
1	Khu dân cư số 1 (KDC Nam cầu Trà Bồng)	D1	74,40	1,29
2	Khu dân cư số 2 (KDC Bắc sông Cà Nin)	D2	69,33	1,20
3	Khu dân cư số 3 (KDC hạ lưu sông Trà Bồng - đập Cà Nin)	D3	199,07	3,44
4	Khu dân cư số 4 (KDC phía Nam đường Trì Bình - Dung Quất)	D4	34,11	

5	Khu dân cư số 5 (KDC Sơn Trà - Bình Đông)	D5	1,66	
IV	Khu dự trữ phát triển	DT	59,26	1,02
V	Giao thông		574,57	9,93
VI	Cây xanh - mặt nước		2.183,84	37,86
1	Cây xanh		1,421,78	24,58
1.1	Cây xanh công viên		187,90	
1.2	Cây xanh sinh thái		854,40	14,77
1.3	Cây xanh cảnh quan		25,93	0,45
1.4	Cây xanh cách ly		353,55	6,11
2	Mặt nước		762,06	13,18
	Tổng cộng		5.784,00	100,00

5. Quy hoạch không gian, kiến trúc cảnh quan

- Không gian tổng thể khu Đông Dung Quất là sự kết hợp hài hòa giữa hai mô hình không gian khu công nghiệp và khu dân cư thông qua hệ thống liên hoàn cây xanh cảnh quan, mặt nước và đồi núi tự nhiên.

- Trục không gian chính của khu công nghiệp gồm: trục đường Đông - Tây (Trì Bình - cảng Dung Quất) kết nối trực tiếp Quốc lộ 1A với cảng Dung Quất và trục đường Bắc - Nam xuyên suốt toàn bộ khu công nghiệp (cảng Dung Quất - đô thị mới Vạn Tường). Các công trình kiến trúc xung quanh các trục không gian này được thiết kế hiện đại, có tính thẩm mỹ cao, tạo bộ mặt khang trang cho khu công nghiệp.

- Kết hợp với hai trục cảnh quan là hệ thống công viên cây xanh bố trí xen kẽ trong từng cụm nhà máy xí nghiệp, các khoảng cây xanh cách ly và cây xanh sinh thái ven sông, đồi núi tự nhiên.

- Khu trung tâm dịch vụ công cộng bố trí tại khu vực giao nhau giữa hai trục cảnh quan cần xây dựng các công trình, tổ hợp kiến trúc cao tầng với hình thức kiến trúc hiện đại kết hợp trục cây xanh cảnh quan làm điểm nhấn cho khu công nghiệp.

- Không gian khu vực công nghiệp bố trí xen kẽ với các khu cây xanh vừa tạo cảnh quan vừa cải thiện môi trường. Các khu đồi núi ven biển gần cảng được cố gắng giữ nguyên nhằm chắn gió cho cảng và tạo môi trường sinh thái.

- Không gian khu vực cảng: cảng tổng hợp, cảng chuyên dùng của các nhà máy: đóng tàu, luyện cán thép Guang Lian, Doosan là những nhà máy sản xuất cầu kiện lớn nên không gian xây dựng cần nhiều bến bãi để vật liệu và sản phẩm nhưng phải kết hợp với hệ thống cây xanh cảnh quan để đảm bảo các tiêu chí về môi trường.

- Không gian của các khu dân cư: Đối với khu vực dân cư hiện trạng sinh sống gần với nghề chài lưới, cần tôn tạo cảnh quan để kết hợp phát triển dịch vụ du lịch. Các khu vực xây dựng mới bố cục theo dạng nhà ở chia lô, nhà vườn; hệ thống mạng đường giao thông liên kết thuận lợi từ các đơn vị ở

đến mạng lưới giao thông khu vực, trên các tuyến trục chính, bố trí không gian các công trình công cộng và thương mại dịch vụ tạo điểm nhấn cảnh quan.

- Không gian cây xanh, mặt nước, khu vực đồi núi ven biển và đồi núi phía Tây Nam và ven biển của khu thiết kế cần được bảo vệ gìn giữ tạo cảnh quan, đồng thời có tác dụng giảm thiểu ô nhiễm của khu công nghiệp đối với khu dân cư.

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Giao thông:

a1) Giao thông đối ngoại:

- Đường bộ:

+ Trục đối ngoại Đông - Tây (*Trị Bình - cảng Dung Quất*), bao gồm hai đoạn với mặt cắt ngang đường của mỗi đoạn lần lượt là 87,5m và 67,5m - bao gồm hành lang đường bộ, đường sắt và dải cây xanh cách ly.

+ Trục đối ngoại Bắc Nam (*cảng Dung Quất - đô thị mới Vạn Tường*): quy mô mặt cắt ngang đường 52,5m; kéo dài tuyến về phía cảng để đảm nhận vai trò trục đối ngoại chính cho cảng.

+ Bố trí hai bến xe tải đối ngoại (*diện tích mỗi bến 2-3ha*) và hai bến xe khách đối ngoại (*diện tích mỗi bến 1,5-2,5ha*).

- Đường sắt:

+ Quy hoạch xây dựng tuyến đường sắt chuyên dụng nối từ đường sắt quốc gia đến cảng Dung Quất (*song song với tuyến đường bộ Trị Bình - cảng Dung Quất*).

- Bố trí ga lập tàu với quy mô khoảng 15ha, tiếp giáp với khu vực cảng tổng hợp, kết hợp với bến xe tải đối ngoại tạo thành trung tâm tiếp vận chính của khu công nghiệp.

- Đường thủy:

Cảng Dung Quất là cảng nước sâu đa chức năng với tổng diện tích 1.158ha (*trong đó có 458ha mặt nước hữu ích, 421 ha mặt bằng và kho bãi*), bao gồm các loại cảng chính sau:

+ Cảng dầu khí: gồm 6 bến xuất sản phẩm - đáp ứng cho tàu trọng tải đến 3 vạn DWT, 2 bến dự phòng và 1 bến phục vụ. Ngoài ra có bến nhập dầu thô (*cảng mềm*) đáp ứng cho tàu trọng tải 15 vạn DWT xây dựng ở phía Đông khu vực, cách bờ khoảng 2,5km.

+ Cảng tổng hợp (*cho hàng container, hàng rời...*): gồm 3 cảng, đáp ứng cho tàu trọng tải 3-5 vạn DWT.

+ Các cảng chuyên dùng, bao gồm: Cảng của Nhà máy Đóng tàu Dung Quất, Cảng của Nhà máy Luyện cán thép, Cảng của Nhà máy Công nghiệp nặng Doosan và Cảng chuyên dụng dự phòng.

Ngoài ra, bố trí cảng địa phương tại bờ Đông sông Trà Bồng, phục vụ nhu cầu công nghiệp địa phương trong khu vực, đáp ứng cho các loại tàu loại nhỏ trọng tải 3.000 - 5.000 DWT.

a2) Giao thông khu công nghiệp:

- Đường bộ:

+ Đường trục chính trong các khu công nghiệp: mặt cắt ngang 47,5m, trong đó lòng đường 22,5m, dải phân cách giữa 5m, vỉa hè mỗi bên 10m.

+ Đường trục chính khu công nghiệp và dân cư: mặt cắt ngang từ 34m-48,5m, trong đó lòng đường 16m-26,5m, dải phân cách giữa 2m-6m, vỉa hè mỗi bên 8m.

+ Đường liên khu vực khu công nghiệp và dân cư: mặt cắt ngang 30m, trong đó lòng đường 15m, vỉa hè mỗi bên 7,5m.

+ Đường khu vực khu công nghiệp và dân cư: mặt cắt ngang 24m-27m, trong đó lòng đường 10m-15m, vỉa hè mỗi bên 3m-7,5m.

+ Đường nội bộ khu công nghiệp và dân cư:

* Loại mặt cắt ngang 18,5m, 20,5m và 22,5m trong đó lòng đường 10,5m, vỉa hè mỗi bên 4m-6m.

* Loại mặt cắt ngang 13,5m, 15,5m, 17,5m trong đó lòng đường 7,5m, vỉa hè mỗi bên 3m-5m.

* Loại mặt cắt ngang 11,5m, trong đó lòng đường 5,5m, vỉa hè mỗi bên 3m.

- Đường sắt: quy hoạch xây dựng hai tuyến nhánh đường sắt nối từ ga lập tàu đến các cảng tổng hợp.

- Công trình phục vụ giao thông:

+ Các loại cầu chính:

* Cải tạo, nâng cấp mở rộng cầu qua sông Trà Bồng (*thuộc tuyến Dốc Sỏi - Dung Quất*) hoặc xây dựng cầu mới song song với cầu cũ, quy mô cầu dự kiến rộng 27m với 4 làn xe cơ giới và 2 làn xe địa phương.

* Quy hoạch xây dựng cầu qua sông Trà Bồng (*thuộc tuyến Trì Bình - Dung Quất*), quy mô cầu dự kiến rộng 49,5m với 8 làn xe.

* Cầu đường sắt vượt sông Trà Bồng: bố trí độc lập hoặc có thể kết hợp với cầu đường bộ.

* Xây dựng 3 cầu vượt qua tuyến ống dẫn dầu để kết nối các cụm công nghiệp và kho tàng ở bờ phía Đông với hệ thống giao thông chung của khu kinh tế.

* Xây dựng 1 cầu vượt đường bộ qua đường Trì Bình - Dung Quất kết nối hai khu dân cư Nam cầu Trà Bồng và khu dân cư đường Trì Bình - Dung Quất và đi ra cảng địa phương.

+ Bố trí các điểm đậu xe, các bến đỗ xe buýt gần các nơi tập trung dân cư, người lao động.

b) Cấp điện:

b1) Nguồn điện: lấy từ lưới điện quốc gia thông qua trạm trung gian Dốc Sỏi - Dung Quất.

- Trạm 220KV: dự kiến bố trí 2 trạm.

* Trạm 220/110KV tại nhà máy thép: công suất 2x150MVA, cấp điện cho nhà máy luyện cán thép (*công suất chính thức của trạm sẽ lựa chọn chuẩn xác trong quá trình lập dự án*).

* Trạm 220/110KV Dung Quất 1: công suất dự kiến 2x250MVA.

- Lưới 220KV: xây dựng tuyến 220KV mạch kép nối từ trạm Dốc Sỏi đến các trạm 220KV.

- Trạm 110/22KV:

* Nâng cấp trạm Dung Quất (E17) hiện trạng lên công suất 2x40MVA.

* Giữ nguyên trạm Doosan công suất 2x25MVA, kết hợp xây dựng mới các trạm: trạm Cảng Dung Quất công suất 2x25MVA, trạm Đóng tàu công suất 2x25MVA, trạm Hoá dầu công suất 2x40MVA, trạm Cơ khí công suất 2x25MVA.

* NMLD có nhà máy điện đồng phát nhiệt - điện công suất 80MVA xây dựng đồng bộ với phân xưởng lọc dầu.

- Lưới 110KV:

Xây dựng mới các đường dây 110KV mạch kép từ trạm 220/110KV Dung Quất 1 đến các trạm 110/22KV cảng, đóng tàu, hóa dầu.

b2) Lưới điện trung thế, hạ thế:

- Lưới điện 22KV: quy hoạch xây dựng các tuyến trung thế 22KV đi dọc theo vỉa hè các tuyến đường, cấp điện từ trạm 110/22KV đến các khu chức năng. Các khu vực có yêu cầu an toàn công nghiệp (*gần đường ống dẫn dầu, vượt đường có mật độ xe tải cao...*): sử dụng cáp ngầm cách điện.

- Trạm biến áp 22/0,4KV:

+ Đối với các trạm phục vụ công nghiệp: công suất gam máy được lựa chọn phù hợp với yêu cầu của từng khách hàng.

+ Đối với các trạm biến áp công cộng phục vụ chiếu sáng và sinh hoạt dân dụng: dùng loại trạm công suất từ 50 - 400KVA.

- Lưới 0,4KV:

+ Bên trong các nhà máy xí nghiệp: lưới điện được lựa chọn, chuẩn xác trong quá trình lập dự án.

+ Tại các khu dân cư: dùng dây nổi có bọc cách điện, đi trên không dọc theo vỉa hè các tuyến đường cấp điện đến các khu vực; tại các khu chức năng quan trọng, các khu dịch vụ công cộng: sử dụng cáp ngầm.

- Lưới chiếu sáng đường:

+ Các trục đường chính và các khu dịch vụ công cộng trong khu công nghiệp dùng cáp ngầm; các khu dân cư dùng dây nổi có bọc cách điện.

+ Các đường có mặt cắt ngang lòng đường từ 10,5m trở lên bố trí đèn chiếu sáng ở hai bên đường, các đường có mặt cắt ngang đường nhỏ hơn 10,5m bố trí đèn chiếu sáng ở một bên đường.

c) Cấp nước:

- Nguồn nước: khai thác từ hồ chứa nước Nước Trong và hệ thống kênh Thạch Nham - thông qua Nhà máy nước Dung Quất.

- Mạng lưới đường ống được quy hoạch theo dạng mạch vòng kết hợp một số tuyến nhánh.

- Ngoài các tuyến ống chính theo quy hoạch chung KKT Dung Quất, bố trí mạng lưới ống phân phối cấp nước Ø50-Ø200.

- Bố trí các trụ cứu hỏa dọc theo tuyến ống cấp nước có đường kính $\geq \text{Ø}100$, khoảng cách giữa các trụ 150m.

d) Chuẩn bị kỹ thuật:

d1) San nền:

Giải pháp san nền phải phù hợp với quy hoạch chung Khu kinh tế Dung Quất, cụ thể:

- Khu vực ven biển, ven cửa sông: cao độ nền xây dựng $\geq +3,5\text{m}$.

- Khu tái định cư Bình Đông (*nằm ven sông Trà Bồng*): cao độ nền xây dựng $\geq +5,5\text{m}$.

- Khu vực hai bên đầm Thuận Phước:

* Đối với các nhà máy công nghiệp: cao độ nền xây dựng $\geq +3,5\text{m}$.

* Đối với các khu dân cư: cao độ nền xây dựng $\geq +3,0\text{m}$.

- Khu vực hai bên sông Cà Ninh (*thuộc các xã Bình Đông và Bình Trị*):

* Đối với các nhà máy công nghiệp: cao độ nền xây dựng $\geq +6,0\text{m}$.

* Đối với các khu dân cư: cao độ nền xây dựng $\geq +5,5\text{m}$

- Tại các khu vực ven sông Cà Ninh, sông Trà Bồng khi xây dựng cần phải bố trí, gia cố kè chống sạt lở.

- Đối với các khu vực có địa hình đồi núi: cần san gạt phù hợp, tạo mặt bằng thuận lợi cho xây dựng khu công nghiệp và khu dân cư; đồng thời có thể khai thác đất đắp nền cho các khu vực trũng thấp.

d2) Thoát nước mưa:

- Dùng hệ thống thoát nước riêng cho nước mưa và nước thải.

- Hệ thống thoát nước mưa phân thành 4 lưu vực chính, dẫn xả nước mưa thoát ra biển, đầm Thuận Phước, sông Cà Ninh và sông Trà Bồng.

- Các tuyến cống chính sử dụng mương có nắp đan, cống hộp kết hợp cống tròn các loại.

đ) Thoát nước thải - vệ sinh môi trường:

đ1) Thoát nước thải:

- Quy hoạch xây dựng hệ thống xử lý nước thải theo hình thức phân tán, tùy thuộc vào loại hình công nghiệp, khu dân cư.

- Đối với khu công nghiệp: quy hoạch các trạm xử lý nước thải tại từng khu vực:

* Công nghiệp VLXD, hậu cần cảng và dịch vụ: xây dựng trạm làm sạch nước thải công suất $1.700\text{m}^3/\text{ng.đêm}$.

* Công nghiệp cơ khí và công nghiệp khác xây dựng 4 trạm làm sạch nước thải: TLSCN5.1 công suất $1.550\text{m}^3/\text{ng.đêm}$, TLSCN5.2 công suất

1.200m³/ng.đêm, TLSCN5.3 công suất 6.500m³/ng.đêm, TLSCN5.4 công suất 3.900m³/ng.đêm.

* Công nghiệp hóa dầu, sau hóa dầu: xây dựng 2 trạm làm sạch nước thải: TLSCN6.1 công suất 5.300m³/ng.đêm, TLSCN6.2 công suất 2.000m³/ng.đêm.

* Công nghiệp hóa chất: xây dựng trạm làm sạch nước thải TLSCN6.3 công suất 2.000m³/ng.đêm.

* Công nghiệp nhẹ Bình Hòa Bình Phước: xây dựng trạm làm sạch nước thải TLSCN-BHBP công suất 4.000m³/ng.đêm.

* Riêng công nghiệp đóng tàu, công nghiệp luyện cán thép, Doosan, lọc dầu và khu vực cảng: xây dựng trạm làm sạch nước thải riêng theo dự án.

- Đối với khu vực dân cư:

* Đối với khu dân cư số 1, khu dân cư số 5: nước thải được xử lý bằng hồ sinh học (HSH-DC-1) công suất 650m³/ng.đêm.

* Đối với khu dân cư số 3, khu dân cư số 4: xây dựng trạm xử lý nước sạch TSL-DC-2 công suất 1.800m³/ng.đêm

* Đối với khu dân cư số 2: xây dựng trạm xử lý nước sạch TSL-DC-3 công suất 800m³/ng.đêm.

- Hệ thống thoát nước thải dùng cống tròn tự chảy Ø300-Ø500 kết hợp các trạm bơm trung chuyển và cống tròn áp lực Ø100-Ø250 đi dọc theo vỉa hè đường, thu gom nước thải về các trạm xử lý trước khi thoát ra ngoài môi trường.

- Nước thải của xí nghiệp, nhà máy phải được xử lý cục bộ, đạt tiêu chuẩn loại C theo quy định trước khi thoát ra hệ thống thu gom nước thải chung. Chất lượng nước thải sau khi xử lý tập trung phải đạt tiêu chuẩn loại B trước khi xả ra ngoài môi trường.

đ2) Vệ sinh môi trường:

- Chất thải rắn:

+ Các loại chất thải rắn phải được phân loại tại nguồn.

+ Toàn bộ chất thải rắn (*bao gồm chất thải rắn công nghiệp và chất thải rắn sinh hoạt*) của khu công nghiệp được thu gom, vận chuyển về khu xử lý tập trung tại xã Bình Nguyên.

+ Bố trí các bãi trung chuyển chất thải rắn tại trong các nhà máy, xí nghiệp và các khu dân cư.

- Nghĩa trang:

+ Tiếp tục khai thác, sử dụng nghĩa trang Bình Trị và Bình Đông kết hợp mở rộng các nghĩa trang Bình Hòa (*mở rộng diện tích 11,46ha*), Bình Phước (*mở rộng diện tích 10,51ha*), Đồng Có - Gò Cao (*mở rộng thêm 7ha*).

+ Xây dựng nghĩa trang nhân dân để cải táng mộ trên 3 năm.

+ Giai đoạn dài hạn quy hoạch xây dựng nghĩa trang công viên sinh thái cấp vùng phục vụ cho toàn bộ khu kinh tế Dung Quất (*theo quy hoạch chung được duyệt*).

(Phần chi tiết có thuyết minh và bản vẽ kèm theo).

Điều 2.

1. Giao Giám đốc Sở Xây dựng: Giúp UBND tỉnh quản lý Nhà nước về công tác xây dựng cơ bản, thực hiện quy hoạch và kiến trúc khu công nghiệp.

2. Giao Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất:

- Chỉ đạo đơn vị tư vấn chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng;

- Tổ chức công bố, công khai, cắm mốc giới quy hoạch để các tổ chức, cơ quan có liên quan và nhân dân trong vùng quy hoạch biết và thực hiện;

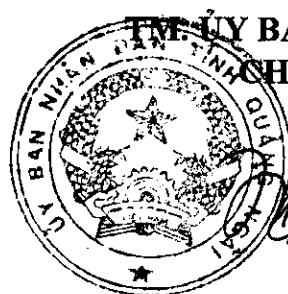
- Phối hợp với UBND huyện Bình Sơn, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban ngành liên quan tổ chức triển khai cụ thể theo đúng quy hoạch được duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất; Giám đốc các sở: Xây dựng, Công Thương, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban ngành liên quan; Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn; Chủ tịch UBND các xã Bình Đông, Bình Trị và Bình Thuận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy Bình Sơn;
- VPUB: C.PVP, KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD.huy24.



Cao Khoa